

ỦY BAN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

Số: 302/QĐ-UBND

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Đà Nẵng, ngày 20 tháng 01 năm 2018

**QUYẾT ĐỊNH**

Về việc ban hành Mã định danh các cơ quan, đơn vị, địa phương trên địa bàn thành phố Đà Nẵng theo QCVN 102:2016/BTTTT

**CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Công nghệ thông tin ngày 29 tháng 6 năm 2006;

Căn cứ Nghị quyết 36a/NQ-CP ngày 14 tháng 10 năm 2015 của Chính phủ về Chính phủ điện tử;

28-1 Căn cứ Thông tư số 10/2016/TT-BTTTT ngày 01 tháng 4 năm 2016 của Bộ Thông tin và Truyền thông về việc ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về cấu trúc mã định danh và định dạng dữ liệu gói tin phục vụ kết nối các hệ thống quản lý văn bản và điều hành;

Xét đề nghị của Sở Thông tin và Truyền thông tại Tờ trình số 34/TTr-STTTT ngày 10 tháng 01 năm 2018 về việc ban hành Mã định danh các cơ quan, địa phương trên địa bàn thành phố Đà Nẵng theo QCVN 102:2016/BTTTT,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này danh sách Mã định danh các cơ quan, đơn vị, địa phương trên địa bàn thành phố Đà Nẵng theo QCVN 102:2016/BTTTT như Phụ lục kèm theo.

**Điều 2.** Danh sách Mã định danh các cơ quan, đơn vị, địa phương dùng để định danh trên Phần mềm Quản lý văn bản và điều hành dùng chung của thành phố; phục vụ kết nối, trao đổi văn bản điện tử.

**Điều 3.** Trong trường hợp thành lập mới, chia tách, sáp nhập hoặc giải thể các cơ quan, đơn vị, địa phương; Sở Nội vụ có trách nhiệm thông báo về Sở Thông tin và Truyền thông để tổng hợp, đề xuất UBND thành phố xem xét cập nhật danh sách mã định danh theo quy định.

**Điều 4.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

**Điều 5.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố, Giám đốc Sở Thông tin và Truyền thông, Giám đốc Sở Nội vụ và Thủ trưởng các cơ quan liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

*Nơi nhận:*

- Như Điều 5;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Thông tin và Truyền thông;
- CT, PCT. UBND TP;
- Các cơ quan thuộc UBND thành phố;
- Lưu: VT, KT, STTTT.

55



Phụ lục

**DANH SÁCH MÃ ĐỊNH DANH CÁC CƠ QUAN, ĐƠN VỊ, ĐỊA PHƯƠNG  
TRÊN ĐỊA BAN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG THEO QCVN 102:2016/BTTTT**

(Đính kèm theo Quyết định số 502/QĐ-UBND ngày 20/01/2018 của  
Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng)

| STT      | Tên cơ quan                                                    | Cấp cơ quan,<br>đơn vị, địa<br>phương | Mã cơ quan           |
|----------|----------------------------------------------------------------|---------------------------------------|----------------------|
| <b>I</b> | <b>SỞ, BAN, NGÀNH VÀ CÁC ĐƠN<br/>VỊ TRỰC THUỘC</b>             |                                       |                      |
| <b>1</b> | <b>Văn phòng UBND thành phố</b>                                | <b>2</b>                              | <b>000.00.01.H17</b> |
| 1.1      | Công thông tin điện tử thành phố                               | 3                                     | 000.01.01.H17        |
| 1.2      | Nhà khách UBND thành phố                                       | 3                                     | 000.02.01.H17        |
| <b>2</b> | <b>Ban quản lý An toàn thực phẩm<br/>thành phố</b>             | <b>2</b>                              | <b>000.00.02.H17</b> |
| <b>3</b> | <b>Sở Công Thương</b>                                          | <b>2</b>                              | <b>000.00.03.H17</b> |
| 3.1      | Công ty Quản lý hội chợ triển lãm và<br>các chợ Đà Nẵng        | 3                                     | 000.01.03.H17        |
| 3.2      | Chi cục Quản lý thị trường                                     | 3                                     | 000.02.03.H17        |
| 3.3      | Trung tâm Khuyến công và tư vấn phát<br>triển công nghiệp      | 3                                     | 000.03.03.H17        |
| 3.4      | Trung tâm về các vấn đề WTO                                    | 3                                     | 000.04.03.H17        |
| 3.5      | Trung tâm Xúc tiến thương mại Đà<br>Nẵng                       | 3                                     | 000.05.03.H17        |
| <b>4</b> | <b>Sở Du lịch</b>                                              | <b>2</b>                              | <b>000.00.04.H17</b> |
| 4.1      | Bản Quản lý bán đảo Sơn Trà và các<br>bãi biển du lịch Đà Nẵng | 3                                     | 000.01.04.H17        |
| 4.2      | Tạp chí Du lịch Đà Nẵng                                        | 3                                     | 000.02.04.H17        |
| 4.3      | Trung tâm Xúc tiến Du lịch                                     | 3                                     | 000.03.04.H17        |
| <b>5</b> | <b>Sở Giáo dục và Đào tạo</b>                                  | <b>2</b>                              | <b>000.00.05.H17</b> |
| 5.1      | Trung tâm Giáo dục thường xuyên số<br>1                        | 3                                     | 000.01.05.H17        |
| 5.2      | Trung tâm Giáo dục thường xuyên số<br>2                        | 3                                     | 000.02.05.H17        |
| 5.3      | Trung tâm Giáo dục thường xuyên số<br>3                        | 3                                     | 000.03.05.H17        |
| 5.4      | Trường Chuyên biệt Tương Lai                                   | 3                                     | 000.04.05.H17        |
| 5.5      | Trường Phổ thông chuyên biệt Nguyễn<br>Đình Chiểu              | 3                                     | 000.05.05.H17        |
| 5.6      | Trường THCS-THPT Nguyễn Khuyến                                 | 3                                     | 000.06.05.H17        |

|          |                                                                         |          |                      |
|----------|-------------------------------------------------------------------------|----------|----------------------|
| 5.7      | Trường THPT Cẩm Lệ                                                      | 3        | 000.07.05.H17        |
| 5.8      | Trường THPT Hoà Vang                                                    | 3        | 000.08.05.H17        |
| 5.9      | Trường THPT Hoàng Hoa Thám                                              | 3        | 000.09.05.H17        |
| 5.10     | Trường THPT Lê Quý Đôn                                                  | 3        | 000.10.05.H17        |
| 5.11     | Trường THPT Liên Chiểu                                                  | 3        | 000.11.05.H17        |
| 5.12     | Trường THPT Ngô Quyền                                                   | 3        | 000.12.05.H17        |
| 5.13     | Trường THPT Ngũ Hành Sơn                                                | 3        | 000.13.05.H17        |
| 5.14     | Trường THPT Nguyễn Hiền                                                 | 3        | 000.14.05.H17        |
| 5.15     | Trường THPT Nguyễn Thượng Hiền                                          | 3        | 000.15.05.H17        |
| 5.16     | Trường THPT Nguyễn Trãi                                                 | 3        | 000.16.05.H17        |
| 5.17     | Trường THPT Ông Ích Khiêm                                               | 3        | 000.17.05.H17        |
| 5.18     | Trường THPT Phạm Phú Thứ                                                | 3        | 000.18.05.H17        |
| 5.19     | Trường THPT Phan Châu Trinh                                             | 3        | 000.19.05.H17        |
| 5.20     | Trường THPT Phan Thành Tài                                              | 3        | 000.20.05.H17        |
| 5.21     | Trường THPT Tôn Thất Tùng                                               | 3        | 000.21.05.H17        |
| 5.22     | Trường THPT Thái Phiên                                                  | 3        | 000.22.05.H17        |
| 5.23     | Trường THPT Thanh Khê                                                   | 3        | 000.23.05.H17        |
| 5.24     | Trường THPT Trần Phú                                                    | 3        | 000.24.05.H17        |
| 5.25     | Trường THPT Võ Chí Công                                                 | 3        | 000.25.05.H17        |
| <b>6</b> | <b>Sở Giao thông vận tải</b>                                            | <b>2</b> | <b>000.00.06.H17</b> |
| 6.1      | Ban Quản lý dự án xây dựng và bảo trì hạ tầng giao thông                | 3        | 000.01.06.H17        |
| 6.2      | Cảng vụ đường thủy nội địa thành phố Đà Nẵng                            | 3        | 000.02.06.H17        |
| 6.3      | Công ty Quản lý cầu đường                                               | 3        | 000.03.06.H17        |
| 6.4      | Trung tâm Đăng kiểm xe cơ giới                                          | 3        | 000.04.06.H17        |
| 6.5      | Trung tâm điều hành đèn tín hiệu giao thông và vận tải công cộng        | 3        | 000.05.06.H17        |
| 6.6      | Trường Trung cấp nghề giao thông công chính                             | 3        | 000.06.06.H17        |
| <b>7</b> | <b>Sở Kế hoạch và Đầu tư</b>                                            | <b>2</b> | <b>000.00.07.H17</b> |
| 7.1      | Trung tâm Hợp tác đầu tư và Quản lý các dự án tại Lào thành phố Đà Nẵng | 3        | 000.01.07.H17        |
| 7.2      | Trung tâm Hỗ trợ doanh nghiệp                                           | 3        | 000.02.07.H17        |
| <b>8</b> | <b>Sở Khoa học và Công nghệ</b>                                         | <b>2</b> | <b>000.00.08.H17</b> |
| 8.1      | Chi cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng                                  | 3        | 000.01.08.H17        |
| 8.1.1    | Trung tâm Kỹ thuật tiêu chuẩn đo lường chất lượng                       | 4        | 001.01.08.H17        |
| 8.2      | Trung tâm Tiết kiệm năng lượng và Tư                                    | 3        | 000.02.08.H17        |

|           |                                                    |          |                      |
|-----------|----------------------------------------------------|----------|----------------------|
|           | vấn chuyển giao công nghệ Đà Nẵng                  |          |                      |
| 8.3       | Trung tâm Thông tin khoa học và công nghệ          | 3        | 000.03.08.H17        |
| 8.4       | Trung tâm Công nghệ sinh học                       | 3        | 000.04.08.H17        |
| <b>9</b>  | <b>Sở Lao động - Thương binh và Xã hội</b>         | <b>2</b> | <b>000.00.09.H17</b> |
| 9.1       | Ban Nghĩa trang                                    | 3        | 000.01.09.H17        |
| 9.2       | Cơ sở xã hội Bầu Bàng                              | 3        | 000.02.09.H17        |
| 9.3       | Chi cục Phòng chống tệ nạn xã hội                  | 3        | 000.03.09.H17        |
| 9.4       | Trung tâm Bảo trợ xã hội                           | 3        | 000.04.09.H17        |
| 9.5       | Trung tâm Cung cấp dịch vụ công tác xã hội         | 3        | 000.05.09.H17        |
| 9.6       | Trung tâm Dịch vụ việc làm                         | 3        | 000.06.09.H17        |
| 9.7       | Trung tâm Điều dưỡng người tâm thần                | 3        | 000.07.09.H17        |
| 9.8       | Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp Đà Nẵng             | 3        | 000.08.09.H17        |
| 9.9       | Trung tâm Phụng dưỡng người có công cách mạng      | 3        | 000.09.09.H17        |
| 9.10      | Trường PTTH Hermann Gmeiner                        | 3        | 000.10.09.H17        |
| <b>10</b> | <b>Sở Ngoại vụ</b>                                 | <b>2</b> | <b>000.00.10.H17</b> |
| 10.1      | Trung tâm Đào tạo tiếng Anh Việt Nam Ấn Độ         | 3        | 000.01.10.H17        |
| 10.2      | Trung tâm Phục vụ đối ngoại                        | 3        | 000.02.10.H17        |
| 10.3      | Văn phòng đại diện Thành phố tại Tokyo Nhật Bản    | 3        | 000.03.10.H17        |
| <b>11</b> | <b>Sở Nội vụ</b>                                   | <b>2</b> | <b>000.00.11.H17</b> |
| 11.1      | Ban Tôn giáo                                       | 3        | 000.01.11.H17        |
| 11.2      | Ban Thi đua - Khen thưởng                          | 3        | 000.02.11.H17        |
| 11.3      | Chi cục Văn thư, lưu trữ                           | 3        | 000.03.11.H17        |
| 11.3.1    | Trung tâm lưu trữ lịch sử                          | 4        | 001.03.11.H17        |
| 11.4      | Trung tâm Phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao | 3        | 000.04.11.H17        |
| <b>12</b> | <b>Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn</b>      | <b>2</b> | <b>000.00.12.H17</b> |
| 12.1      | Ban quản lý Âu thuyền và Cảng cá Thọ Quang Đà Nẵng | 3        | 000.01.12.H17        |
| 12.2      | Chi cục Chăn nuôi và Thú y                         | 3        | 000.02.12.H17        |
| 12.3      | Chi cục Kiểm lâm                                   | 3        | 000.03.12.H17        |
| 12.3.1    | Ban Quản lý rừng đặc dụng Bà Nà - Núi Chúa         | 4        | 001.03.12.H17        |

|           |                                                          |          |                      |
|-----------|----------------------------------------------------------|----------|----------------------|
| 12.3.2    | Hạt Kiểm lâm huyện Hòa Vang                              | 4        | 002.03.12.H17        |
| 12.3.3    | Hạt Kiểm lâm quận Liên Chiểu                             | 4        | 003.03.12.H17        |
| 12.3.4    | Hạt Kiểm lâm liên quận Sơn Trà – Ngũ Hành Sơn            | 4        | 004.03.12.H17        |
| 12.3.5    | Hạt Kiểm lâm rừng đặc dụng Bà Nà – Núi Chúa              | 4        | 005.03.12.H17        |
| 12.3.5    | Đội Kiểm lâm cơ động và phòng cháy chữa cháy rừng        | 4        | 006.03.12.H17        |
| 12.4      | Chi cục Quản lý chất lượng nông, lâm, thủy sản           | 3        | 000.04.12.H17        |
| 12.5      | Chi cục Thủy lợi                                         | 3        | 000.05.12.H17        |
| 12.5.1    | Trung tâm Phòng tránh và giảm nhẹ thiên tai              | 4        | 001.05.12.H17        |
| 12.6      | Chi cục Thủy sản                                         | 3        | 000.06.12.H17        |
| 12.7      | Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật                    | 3        | 000.07.12.H17        |
| 12.8      | Trung tâm Khuyến Ngư Nông Lâm                            | 3        | 000.08.12.H17        |
| <b>13</b> | <b>Sở Tài chính</b>                                      | <b>2</b> | <b>000.00.13.H17</b> |
| <b>14</b> | <b>Sở Tài nguyên và Môi trường</b>                       | <b>2</b> | <b>000.00.14.H17</b> |
| 14.1      | Công ty Thoát nước và Xử lý nước thải thành phố Đà Nẵng  | 3        | 000.01.14.H17        |
| 14.2      | Chi cục Bảo vệ Môi trường                                | 3        | 000.02.14.H17        |
| 14.3      | Chi cục Biển và Hải đảo                                  | 3        | 000.03.14.H17        |
| 14.4      | Chi cục Quản lý đất đai                                  | 3        | 000.04.14.H17        |
| 14.5      | Trung tâm Công nghệ thông tin Tài nguyên và Môi trường   | 3        | 000.05.14.H17        |
| 14.6      | Trung tâm Kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường              | 3        | 000.06.14.H17        |
| 14.7      | Trung tâm Phát triển quỹ đất                             | 3        | 000.07.14.H17        |
| 14.8      | Trung tâm Quan trắc Tài nguyên và Môi trường             | 3        | 000.08.14.H17        |
| 14.9      | Văn phòng Đăng ký đất đai                                | 3        | 000.09.14.H17        |
| <b>15</b> | <b>Sở Thông tin và Truyền thông</b>                      | <b>2</b> | <b>000.00.15.H17</b> |
| 15.1      | Tạp chí Điện tử thông tin và truyền thông                | 3        | 000.01.15.H17        |
| 15.2      | Trung tâm Công nghệ thông tin - Truyền thông             | 3        | 000.02.15.H17        |
| 15.3      | Trung tâm Phát triển hạ tầng công nghệ thông tin Đà Nẵng | 3        | 000.03.15.H17        |
| 15.4      | Trung tâm Thông tin dịch vụ công                         | 3        | 000.04.15.H17        |
| 15.5      | Trung tâm Vi mạch Đà Nẵng                                | 3        | 000.05.15.H17        |

|       |                                                                        |          |                      |
|-------|------------------------------------------------------------------------|----------|----------------------|
| 16    | Sở Tư pháp                                                             | 2        | 000.00.16.H17        |
| 16.1  | Phòng Công chứng số 1                                                  | 3        | 000.01.16.H17        |
| 16.2  | Phòng Công chứng số 2                                                  | 3        | 000.02.16.H17        |
| 16.3  | Phòng Công chứng số 3                                                  | 3        | 000.03.16.H17        |
| 16.4  | Trung tâm Dịch vụ bán đấu giá tài sản                                  | 3        | 000.04.16.H17        |
| 16.5  | Trung tâm Trợ giúp pháp lý nhà nước                                    | 3        | 000.05.16.H17        |
| 17    | <b>Sở Văn hóa và Thể thao</b>                                          | <b>2</b> | <b>000.00.17.H17</b> |
| 17.1  | Bảo tàng Đà Nẵng                                                       | 3        | 000.01.17.H17        |
| 17.2  | Bảo tàng Điêu khắc Chăm                                                | 3        | 000.02.17.H17        |
| 17.3  | Bảo tàng Mỹ thuật Đà Nẵng                                              | 3        | 000.03.17.H17        |
| 17.4  | Cung thể thao Tuyên Sơn                                                | 3        | 000.04.17.H17        |
| 17.5  | Nhà hát Tuồng Nguyễn Hiền Dĩnh                                         | 3        | 000.05.17.H17        |
| 17.6  | Nhà hát Trưng Vương Đà Nẵng                                            | 3        | 000.06.17.H17        |
| 17.7  | Thư viện Khoa học - Tổng hợp                                           | 3        | 000.07.17.H17        |
| 17.8  | Trung tâm Huấn luyện và Đào tạo Vận động viên thể dục thể thao Đà Nẵng | 3        | 000.08.17.H17        |
| 17.9  | Trung tâm Phát hành phim và chiếu bóng Đà Nẵng                         | 3        | 000.09.17.H17        |
| 17.10 | Trung tâm Quản lý Di sản văn hóa thành phố Đà Nẵng                     | 3        | 000.10.17.H17        |
| 17.11 | Trung tâm Quản lý Quảng cáo Đà Nẵng                                    | 3        | 000.11.17.H17        |
| 17.12 | Trung Tâm Tổ chức sự kiện và lễ hội Đà Nẵng                            | 3        | 000.12.17.H17        |
| 17.13 | Trung tâm Thể dục - Thể thao người lớn tuổi                            | 3        | 000.13.17.H17        |
| 17.14 | Trung tâm thể dục thể thao thành phố Đà Nẵng                           | 3        | 000.14.17.H17        |
| 17.15 | Trung tâm Văn hóa thành phố Đà Nẵng                                    | 3        | 000.15.17.H17        |
| 18    | <b>Sở Xây dựng</b>                                                     | <b>2</b> | <b>000.00.18.H17</b> |
| 18.1  | Công ty Công viên – Cây xanh Đà Nẵng                                   | 3        | 000.01.18.H17        |
| 18.2  | Công ty Quản lý nhà chung cư Đà Nẵng                                   | 3        | 000.02.18.H17        |
| 18.3  | Công ty Quản lý nhà Đà Nẵng                                            | 3        | 000.03.18.H17        |
| 18.4  | Công ty Quản lý vận hành điện chiếu sáng công cộng                     | 3        | 000.04.18.H17        |
| 18.5  | Chi cục Giám định chất lượng xây dựng                                  | 3        | 000.05.18.H17        |

|         |                                                                     |   |               |
|---------|---------------------------------------------------------------------|---|---------------|
| 18.5.1  | Trung tâm Kiểm định chất lượng xây dựng Đà Nẵng                     | 4 | 001.05.18.H17 |
| 18.6    | Trung tâm Tư vấn kỹ thuật xây dựng                                  | 3 | 000.06.18.H17 |
| 18.7    | Viện Quy hoạch xây dựng Đà Nẵng                                     | 3 | 000.07.18.H17 |
| 19      | Sở Y tế                                                             | 2 | 000.00.19.H17 |
| 19.1    | Bệnh viện Da liễu                                                   | 3 | 000.01.19.H17 |
| 19.2    | Bệnh viện Đà Nẵng                                                   | 3 | 000.02.19.H17 |
| 19.3    | Bệnh viện Mắt                                                       | 3 | 000.03.19.H17 |
| 19.4    | Bệnh viện Phổi Đà Nẵng                                              | 3 | 000.04.19.H17 |
| 19.5    | Bệnh viện Phụ sản - Nhi                                             | 3 | 000.05.19.H17 |
| 19.6    | Bệnh viện Phục hồi chức năng                                        | 3 | 000.06.19.H17 |
| 19.7    | Bệnh viện Tâm thần                                                  | 3 | 000.07.19.H17 |
| 19.8    | Bệnh viện Ung bướu                                                  | 3 | 000.08.19.H17 |
| 19.9    | Bệnh viện Y học cổ truyền                                           | 3 | 000.09.19.H17 |
| 19.10   | Chi cục An toàn vệ sinh thực phẩm                                   | 3 | 000.10.19.H17 |
| 19.11   | Chi cục Dân số - Kế hoạch hóa gia đình                              | 3 | 000.11.19.H17 |
| 19.11.1 | Trung tâm Tư vấn và Cung ứng dịch vụ Dân số - Kế hoạch hóa gia đình | 4 | 001.11.19.H17 |
| 19.12   | Trung tâm Cấp cứu                                                   | 3 | 000.12.19.H17 |
| 19.13   | Trung tâm Chăm sóc sức khỏe sinh sản                                | 3 | 000.13.19.H17 |
| 19.14   | Trung tâm Đào tạo và Bồi dưỡng cán bộ Y tế                          | 3 | 000.14.19.H17 |
| 19.15   | Trung tâm Giám định Y khoa                                          | 3 | 000.15.19.H17 |
| 19.16   | Trung tâm Kiểm dịch y tế Quốc tế                                    | 3 | 000.16.19.H17 |
| 19.17   | Trung tâm Kiểm nghiệm thuốc, mỹ phẩm, thực phẩm thành phố           | 3 | 000.17.19.H17 |
| 19.18   | Trung tâm Pháp y                                                    | 3 | 000.18.19.H17 |
| 19.19   | Trung tâm Phòng, chống HIV/AIDS                                     | 3 | 000.19.19.H17 |
| 19.20   | Trung tâm Răng Hàm Mặt                                              | 3 | 000.20.19.H17 |
| 19.21   | Trung tâm Truyền thông giáo dục sức khỏe                            | 3 | 000.21.19.H17 |
| 19.22   | Trung tâm Y tế dự phòng                                             | 3 | 000.22.19.H17 |
| 19.23   | Trung tâm Y tế huyện Hoà Vang                                       | 3 | 000.23.19.H17 |
| 19.24   | Trung tâm Y tế quận Cẩm Lệ                                          | 3 | 000.24.19.H17 |
| 19.25   | Trung tâm Y tế quận Hải Châu                                        | 3 | 000.25.19.H17 |
| 19.26   | Trung tâm Y tế quận Liên Chiểu                                      | 3 | 000.26.19.H17 |
| 19.27   | Trung tâm Y tế quận Ngũ Hành Sơn                                    | 3 | 000.27.19.H17 |
| 19.28   | Trung tâm Y tế quận Sơn Trà                                         | 3 | 000.28.19.H17 |
| 19.29   | Trung tâm Y tế quận Thanh Khê                                       | 3 | 000.29.19.H17 |

|       |                                                        |   |               |
|-------|--------------------------------------------------------|---|---------------|
| 20    | Ban Quản lý các Khu công nghiệp và Chế xuất Đà Nẵng    | 2 | 000.00.20.H17 |
| 20.1  | Trung tâm Giới thiệu-việc-làm Khu công nghiệp          | 3 | 000.01.20.H17 |
| 20.2  | Công ty Phát triển và khai thác hạ tầng khu CN Đà Nẵng | 3 | 000.02.20.H17 |
| 21    | Ban Quản lý Khu công nghệ cao                          | 2 | 000.00.21.H17 |
| 21.1  | Trung tâm Dịch vụ tổng hợp khu công nghệ cao           | 3 | 000.01.21.H17 |
| 30    | Thanh tra thành phố                                    | 2 | 000.00.30.H17 |
| II    | UBND QUẬN, HUYỆN VÀ CÁC ĐƠN VỊ TRỰC THUỘC              |   |               |
| 22    | UBND huyện Hòa Vang                                    | 2 | 000.00.22.H17 |
| 22.1  | Ban Quản lý các chợ                                    | 3 | 000.01.22.H17 |
| 22.2  | Ban Quản lý Dự án đầu tư xây dựng                      | 3 | 000.02.22.H17 |
| 22.3  | Đài Truyền thanh                                       | 3 | 000.03.22.H17 |
| 22.4  | Đội Kiểm tra quy tắc đô thị                            | 3 | 000.04.22.H17 |
| 22.5  | Phòng Giáo dục và Đào tạo                              | 3 | 000.05.22.H17 |
| 22.6  | Phòng Kinh tế                                          | 3 | 000.06.22.H17 |
| 22.7  | Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội                 | 3 | 000.07.22.H17 |
| 22.8  | Phòng Nội vụ                                           | 3 | 000.08.22.H17 |
| 22.9  | Phòng Quản lý đô thị                                   | 3 | 000.09.22.H17 |
| 22.10 | Phòng Tài chính - Kế hoạch                             | 3 | 000.10.22.H17 |
| 22.11 | Phòng Tài nguyên và Môi trường                         | 3 | 000.11.22.H17 |
| 22.12 | Phòng Tư pháp                                          | 3 | 000.12.22.H17 |
| 22.13 | Phòng Văn hóa - Thông tin                              | 3 | 000.13.22.H17 |
| 22.14 | Phòng Y tế                                             | 3 | 000.14.22.H17 |
| 22.15 | Thanh tra quận                                         | 3 | 000.15.22.H17 |
| 22.16 | Trung tâm Dân số - Kế hoạch hóa gia đình               | 3 | 000.16.22.H17 |
| 22.17 | Trung tâm Văn hoá - Thể thao                           | 3 | 000.17.22.H17 |
| 22.18 | Văn phòng UBND quận                                    | 3 | 000.18.22.H17 |
| 22.19 | UBND xã Hòa Bắc                                        | 3 | 000.19.22.H17 |
| 22.20 | UBND xã Hòa Châu                                       | 3 | 000.20.22.H17 |
| 22.21 | UBND xã Hòa Khương                                     | 3 | 000.21.22.H17 |
| 22.22 | UBND xã Hòa Liên                                       | 3 | 000.22.22.H17 |
| 22.23 | UBND xã Hòa Ninh                                       | 3 | 000.23.22.H17 |
| 22.24 | UBND xã Hòa Nhơn                                       | 3 | 000.24.22.H17 |
| 22.25 | UBND xã Hòa Phong                                      | 3 | 000.25.22.H17 |

|       |                            |   |               |
|-------|----------------------------|---|---------------|
| 22.26 | UBND xã Hòa Phú            | 3 | 000.26.22.H17 |
| 22.27 | UBND xã Hòa Phước          | 3 | 000.27.22.H17 |
| 22.28 | UBND xã Hòa Sơn            | 3 | 000.28.22.H17 |
| 22.29 | UBND xã Hòa Tiến           | 3 | 000.29.22.H17 |
| 22.30 | Trường Mầm non Hoà Bắc     | 3 | 000.30.22.H17 |
| 22.31 | Trường Mầm non Hoà Châu    | 3 | 000.31.22.H17 |
| 22.32 | Trường Mầm non Hoà Khương  | 3 | 000.32.22.H17 |
| 22.33 | Trường Mầm non Hoà Liên    | 3 | 000.33.22.H17 |
| 22.34 | Trường Mầm non Hoà Liên 2  | 3 | 000.34.22.H17 |
| 22.35 | Trường Mầm non Hoà Mai     | 3 | 000.35.22.H17 |
| 22.36 | Trường Mầm non Hoà Ninh    | 3 | 000.36.22.H17 |
| 22.37 | Trường Mầm non Hoà Nhơn    | 3 | 000.37.22.H17 |
| 22.38 | Trường Mầm non Hoà Phong   | 3 | 000.38.22.H17 |
| 22.39 | Trường Mầm non Hoà Phong 2 | 3 | 000.39.22.H17 |
| 22.40 | Trường Mầm non Hoà Phú     | 3 | 000.40.22.H17 |
| 22.41 | Trường Mầm non Hoà Phước   | 3 | 000.41.22.H17 |
| 22.42 | Trường Mầm non Hoà Sơn     | 3 | 000.42.22.H17 |
| 22.43 | Trường Mầm non Hoà Tiến 1  | 3 | 000.43.22.H17 |
| 22.44 | Trường Mầm non Hoà Tiến 2  | 3 | 000.44.22.H17 |
| 22.45 | Trường TH Hoà Phú          | 3 | 000.45.22.H17 |
| 22.46 | Trường TH số 2 Hoà Sơn     | 3 | 000.46.22.H17 |
| 22.47 | Trường TH An Phước         | 3 | 000.47.22.H17 |
| 22.48 | Trường TH Hoà Bắc          | 3 | 000.48.22.H17 |
| 22.49 | Trường TH Hoà Khương       | 3 | 000.49.22.H17 |
| 22.50 | Trường TH Hoà Khương 2     | 3 | 000.50.22.H17 |
| 22.51 | Trường TH Hoà Ninh         | 3 | 000.51.22.H17 |
| 22.52 | Trường TH Hoà Phước        | 3 | 000.52.22.H17 |
| 22.53 | Trường TH Hoà Phước 2      | 3 | 000.53.22.H17 |
| 22.54 | Trường TH Lâm Quang thụ    | 3 | 000.54.22.H17 |
| 22.55 | Trường TH Lê Kim Lăng      | 3 | 000.55.22.H17 |
| 22.56 | Trường TH số 1 Hoà Châu    | 3 | 000.56.22.H17 |
| 22.57 | Trường TH số 1 Hoà Liên    | 3 | 000.57.22.H17 |
| 22.58 | Trường TH số 1 Hoà Nhơn    | 3 | 000.58.22.H17 |
| 22.59 | Trường TH số 1 Hoà Sơn     | 3 | 000.59.22.H17 |
| 22.60 | Trường TH số 1 Hoà Tiến    | 3 | 000.60.22.H17 |
| 22.61 | Trường TH số 2 Hoà liên    | 3 | 000.61.22.H17 |
| 22.62 | Trường TH số 2 Hoà Nhơn    | 3 | 000.62.22.H17 |
| 22.63 | Trường TH số 2 Hoà Tiến    | 3 | 000.63.22.H17 |
| 22.64 | Trường THCS Đỗ Thúc Tịnh   | 3 | 000.64.22.H17 |
| 22.65 | Trường THCS Nguyễn Bá Phát | 3 | 000.65.22.H17 |

|           |                                          |          |                      |
|-----------|------------------------------------------|----------|----------------------|
| 22.66     | Trường THCS Nguyễn Hồng Ánh              | 3        | 000.66.22.H17        |
| 22.67     | Trường THCS Nguyễn Phú Hùng              | 3        | 000.67.22.H17        |
| 22.68     | Trường THCS Nguyễn Tri Phương            | 3        | 000.68.22.H17        |
| 22.69     | Trường THCS Nguyễn Văn Linh              | 3        | 000.69.22.H17        |
| 22.70     | Trường THCS Nguyễn Viết Xuân             | 3        | 000.70.22.H17        |
| 22.71     | Trường THCS Ông Ích Đường                | 3        | 000.71.22.H17        |
| 22.72     | Trường THCS Phạm Văn Đồng                | 3        | 000.72.22.H17        |
| 22.73     | Trường THCS Trần Quang Khải              | 3        | 000.73.22.H17        |
| 22.74     | Trường THCS Trần Quốc Tuấn               | 3        | 000.74.22.H17        |
| <b>23</b> | <b>UBND quận Cẩm Lệ</b>                  | <b>2</b> | <b>000.00.23.H17</b> |
| 23.1      | Ban Quản lý các chợ                      | 3        | 000.01.23.H17        |
| 23.2      | Ban Quản lý Dự án đầu tư xây dựng        | 3        | 000.02.23.H17        |
| 23.3      | Đài Truyền thanh                         | 3        | 000.03.23.H17        |
| 23.4      | Đội Kiểm tra quy tắc đô thị              | 3        | 000.04.23.H17        |
| 23.5      | Phòng Giáo dục và Đào tạo                | 3        | 000.05.23.H17        |
| 23.6      | Phòng Kinh tế                            | 3        | 000.06.23.H17        |
| 23.7      | Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội   | 3        | 000.07.23.H17        |
| 23.8      | Phòng Nội vụ                             | 3        | 000.08.23.H17        |
| 23.9      | Phòng Quản lý đô thị                     | 3        | 000.09.23.H17        |
| 23.10     | Phòng Tài chính - Kế hoạch               | 3        | 000.10.23.H17        |
| 23.11     | Phòng Tài nguyên và Môi trường           | 3        | 000.11.23.H17        |
| 23.12     | Phòng Tư pháp                            | 3        | 000.12.23.H17        |
| 23.13     | Phòng Văn hóa - Thông tin                | 3        | 000.13.23.H17        |
| 23.14     | Phòng Y tế                               | 3        | 000.14.23.H17        |
| 23.15     | Thanh tra quận                           | 3        | 000.15.23.H17        |
| 23.16     | Trung tâm Dân số - Kế hoạch hóa gia đình | 3        | 000.16.23.H17        |
| 23.17     | Trung tâm Văn hoá - Thể thao             | 3        | 000.17.23.H17        |
| 23.18     | Văn phòng UBND quận                      | 3        | 000.18.23.H17        |
| 23.20     | UBND phường Hòa An                       | 3        | 000.20.23.H17        |
| 23.21     | UBND phường Hòa Phát                     | 3        | 000.21.23.H17        |
| 23.22     | UBND phường Hòa Thọ Đông                 | 3        | 000.22.23.H17        |
| 23.23     | UBND phường Hòa Thọ Tây                  | 3        | 000.23.23.H17        |
| 23.24     | UBND phường Hòa Xuân                     | 3        | 000.24.23.H17        |
| 23.25     | UBND phường Khuê Trung                   | 3        | 000.25.23.H17        |
| 23.19     | Trường Mầm non Bình Minh                 | 3        | 000.19.23.H17        |
| 23.26     | Trường Mầm non Hoa Ngọc Lan              | 3        | 000.26.23.H17        |
| 23.27     | Trường Mầm non Hướng Dương               | 3        | 000.27.23.H17        |
| 23.28     | Trường Mầm non Hương Sen                 | 3        | 000.28.23.H17        |

|           |                                          |          |                      |
|-----------|------------------------------------------|----------|----------------------|
| 23.29     | Trường Mầm non Sao Mai                   | 3        | 000.29.23.H17        |
| 23.30     | Trường Mầm non Trí Nhân                  | 3        | 000.30.23.H17        |
| 23.31     | Trường TH Diên Hồng                      | 3        | 000.31.23.H17        |
| 23.32     | Trường TH Hoàng Dư Khương                | 3        | 000.32.23.H17        |
| 23.33     | Trường TH Ngô Quyền                      | 3        | 000.33.23.H17        |
| 23.34     | Trường TH Nguyễn Như Hạnh                | 3        | 000.34.23.H17        |
| 23.35     | Trường TH Ông Ích Đường                  | 3        | 000.35.23.H17        |
| 23.36     | Trường TH Tôn Đức Thắng                  | 3        | 000.36.23.H17        |
| 23.37     | Trường TH Thái Thị Bôi                   | 3        | 000.37.23.H17        |
| 23.38     | Trường TH Trần Đại Nghĩa                 | 3        | 000.38.23.H17        |
| 23.39     | Trường TH Trần Nhân Tông                 | 3        | 000.39.23.H17        |
| 23.40     | Trường TH Trần Văn Dư                    | 3        | 000.40.23.H17        |
| 23.41     | Trường THCS Đặng Thai Mai                | 3        | 000.41.23.H17        |
| 23.42     | Trường THCS Nguyễn Công Trứ              | 3        | 000.42.23.H17        |
| 23.43     | Trường THCS Nguyễn Thị Định              | 3        | 000.43.23.H17        |
| 23.44     | Trường THCS Nguyễn Thiện Thuật           | 3        | 000.44.23.H17        |
| 23.45     | Trường THCS Nguyễn Văn Linh              | 3        | 000.45.23.H17        |
| 23.46     | Trường THCS Trần Quý Cáp                 | 3        | 000.46.23.H17        |
| <b>24</b> | <b>UBND quận Hải Châu</b>                | <b>2</b> | <b>000.00.24.H17</b> |
| 24.1      | Ban quản lý chợ mới Hòa Thuận            | 3        | 000.01.24.H17        |
| 24.2      | Ban quản lý chợ Nguyễn Tri Phương        | 3        | 000.02.24.H17        |
| 24.3      | Ban quản lý xây dựng cơ bản              | 3        | 000.03.24.H17        |
| 24.4      | Đội kiểm tra quy tắc Đô thị              | 3        | 000.04.24.H17        |
| 24.5      | Phòng Giáo dục và Đào tạo                | 3        | 000.05.24.H17        |
| 24.6      | Phòng Kinh tế                            | 3        | 000.06.24.H17        |
| 24.7      | Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội   | 3        | 000.07.24.H17        |
| 24.8      | Phòng Nội vụ                             | 3        | 000.08.24.H17        |
| 24.9      | Phòng Quản lý đô thị                     | 3        | 000.09.24.H17        |
| 24.10     | Phòng Tài chính - Kế hoạch               | 3        | 000.10.24.H17        |
| 24.11     | Phòng Tài nguyên và Môi trường           | 3        | 000.11.24.H17        |
| 24.12     | Phòng Tư pháp                            | 3        | 000.12.24.H17        |
| 24.13     | Phòng Văn hóa - Thông tin                | 3        | 000.13.24.H17        |
| 24.14     | Phòng Y tế                               | 3        | 000.14.24.H17        |
| 24.15     | Thanh tra quận                           | 3        | 000.15.24.H17        |
| 24.16     | Trung tâm Dân số - Kế hoạch hóa gia đình | 3        | 000.16.24.H17        |
| 24.17     | Trung tâm Văn hóa - Thể thao             | 3        | 000.17.24.H17        |
| 24.18     | Văn phòng UBND quận                      | 3        | 000.18.24.H17        |
| 24.21     | UBND phường Bình Hiên                    | 3        | 000.21.24.H17        |

|       |                              |   |               |
|-------|------------------------------|---|---------------|
| 24.22 | UBND phường Bình Thuận       | 3 | 000.22.24.H17 |
| 24.23 | UBND phường Hải Châu I       | 3 | 000.23.24.H17 |
| 24.24 | UBND phường Hải Châu II      | 3 | 000.24.24.H17 |
| 24.25 | UBND phường Hòa Cường Bắc    | 3 | 000.25.24.H17 |
| 24.26 | UBND phường Hòa Cường Nam    | 3 | 000.26.24.H17 |
| 24.27 | UBND phường Hòa Thuận Đông   | 3 | 000.27.24.H17 |
| 24.28 | UBND phường Hòa Thuận Tây    | 3 | 000.28.24.H17 |
| 24.29 | UBND phường Nam Dương        | 3 | 000.29.24.H17 |
| 24.30 | UBND phường Phước Ninh       | 3 | 000.30.24.H17 |
| 24.31 | UBND phường Thạch Thang      | 3 | 000.31.24.H17 |
| 24.32 | UBND phường Thanh Bình       | 3 | 000.32.24.H17 |
| 24.33 | UBND phường Thuận Phước      | 3 | 000.33.24.H17 |
| 24.19 | Trường Mầm non 19/5          | 3 | 000.19.24.H17 |
| 24.20 | Trường Mầm non 20/10         | 3 | 000.20.24.H17 |
| 24.34 | Trường Mầm non 30/4          | 3 | 000.34.24.H17 |
| 24.35 | Trường Mầm non Anh Đào       | 3 | 000.35.24.H17 |
| 24.36 | Trường Mầm non Ánh Hồng      | 3 | 000.36.24.H17 |
| 24.37 | Trường Mầm non Bình Minh     | 3 | 000.37.24.H17 |
| 24.38 | Trường Mầm non Cẩm Vân       | 3 | 000.38.24.H17 |
| 24.39 | Trường Mầm non Dạ Lan Hương  | 3 | 000.39.24.H17 |
| 24.40 | Trường Mầm non Hoa Ban       | 3 | 000.40.24.H17 |
| 24.41 | Trường Mầm non Hoa Phượng Đỏ | 3 | 000.41.24.H17 |
| 24.42 | Trường Mầm non Hoàng Lan     | 3 | 000.42.24.H17 |
| 24.43 | Trường Mầm non Măng Non      | 3 | 000.43.24.H17 |
| 24.44 | Trường Mầm non Ngọc Lan      | 3 | 000.44.24.H17 |
| 24.45 | Trường Mầm non Tiên Sa       | 3 | 000.45.24.H17 |
| 24.46 | Trường Mầm non Tuổi Thơ      | 3 | 000.46.24.H17 |
| 24.47 | Trường Mầm non Trúc Đào      | 3 | 000.47.24.H17 |
| 24.48 | Trường TH Bạch Đằng          | 3 | 000.48.24.H17 |
| 24.49 | Trường TH Hoàng Văn Thụ      | 3 | 000.49.24.H17 |
| 24.50 | Trường TH Hùng Vương         | 3 | 000.50.24.H17 |
| 24.51 | Trường TH Lê Đình Chinh      | 3 | 000.51.24.H17 |
| 24.52 | Trường TH Lê Lai             | 3 | 000.52.24.H17 |
| 24.53 | Trường TH Lê Quý Đôn         | 3 | 000.53.24.H17 |
| 24.54 | Trường TH Lý Công Uân        | 3 | 000.54.24.H17 |
| 24.55 | Trường TH Lý Tự Trọng        | 3 | 000.55.24.H17 |
| 24.56 | Trường TH Núi Thành          | 3 | 000.56.24.H17 |
| 24.57 | Trường TH Nguyễn Du          | 3 | 000.57.24.H17 |
| 24.58 | Trường TH Ông Ích Khiêm      | 3 | 000.58.24.H17 |
| 24.59 | Trường TH Phan Đăng Lưu      | 3 | 000.59.24.H17 |

|           |                                          |          |                      |
|-----------|------------------------------------------|----------|----------------------|
| 24.60     | Trường TH Phan Thanh                     | 3        | 000.60.24.H17        |
| 24.61     | Trường TH Phù Đồng                       | 3        | 000.61.24.H17        |
| 24.62     | Trường TH Tây Hồ                         | 3        | 000.62.24.H17        |
| 24.63     | Trường TH Trần Thị Lý                    | 3        | 000.63.24.H17        |
| 24.64     | Trường TH Trần Văn Ôn                    | 3        | 000.64.24.H17        |
| 24.65     | Trường TH Võ Thị Sáu                     | 3        | 000.65.24.H17        |
| 24.66     | Trường THCS Hồ Nghinh                    | 3        | 000.66.24.H17        |
| 24.67     | Trường THCS Kim Đồng                     | 3        | 000.67.24.H17        |
| 24.68     | Trường THCS Lê Hồng Phong                | 3        | 000.68.24.H17        |
| 24.69     | Trường THCS Lê Thánh Tôn                 | 3        | 000.69.24.H17        |
| 24.70     | Trường THCS Lý Thường Kiệt               | 3        | 000.70.24.H17        |
| 24.71     | Trường THCS Nguyễn Huệ                   | 3        | 000.71.24.H17        |
| 24.72     | Trường THCS Sào Nam                      | 3        | 000.72.24.H17        |
| 24.73     | Trường THCS Tây Sơn                      | 3        | 000.73.24.H17        |
| 24.74     | Trường THCS Trần Hưng Đạo                | 3        | 000.74.24.H17        |
| 24.75     | Trường THCS Trưng Vương                  | 3        | 000.75.24.H17        |
| <b>25</b> | <b>UBND quận Liên Chiểu</b>              | <b>2</b> | <b>000.00.25.H17</b> |
| 25.1      | Ban Quản lý các chợ                      | 3        | 000.01.25.H17        |
| 25.2      | Ban Quản lý Dự án đầu tư xây dựng        | 3        | 000.02.25.H17        |
| 25.3      | Đài Truyền thanh                         | 3        | 000.03.25.H17        |
| 25.4      | Đội Kiểm tra quy tắc đô thị              | 3        | 000.04.25.H17        |
| 25.5      | Phòng Giáo dục và Đào tạo                | 3        | 000.05.25.H17        |
| 25.6      | Phòng Kinh tế                            | 3        | 000.06.25.H17        |
| 25.7      | Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội   | 3        | 000.07.25.H17        |
| 25.8      | Phòng Nội vụ                             | 3        | 000.08.25.H17        |
| 25.9      | Phòng Quản lý đô thị                     | 3        | 000.09.25.H17        |
| 25.10     | Phòng Tài chính - Kế hoạch               | 3        | 000.10.25.H17        |
| 25.11     | Phòng Tài nguyên và Môi trường           | 3        | 000.11.25.H17        |
| 25.12     | Phòng Tư pháp                            | 3        | 000.12.25.H17        |
| 25.13     | Phòng Văn hóa - Thông tin                | 3        | 000.13.25.H17        |
| 25.14     | Phòng Y tế                               | 3        | 000.14.25.H17        |
| 25.15     | Thanh tra quận                           | 3        | 000.15.25.H17        |
| 25.16     | Trung tâm Dân số - Kế hoạch hóa gia đình | 3        | 000.16.25.H17        |
| 25.17     | Trung tâm Văn hoá - Thể thao             | 3        | 000.17.25.H17        |
| 25.18     | Văn phòng UBND quận                      | 3        | 000.18.25.H17        |
| 25.20     | UBND phường Hoà Hiệp Bắc                 | 3        | 000.20.25.H17        |
| 25.21     | UBND phường Hòa Hiệp Nam                 | 3        | 000.21.25.H17        |
| 25.22     | UBND phường Hoà Khánh Bắc                | 3        | 000.22.25.H17        |

|           |                                                 |          |                      |
|-----------|-------------------------------------------------|----------|----------------------|
| 25.23     | UBND phường Hòa Khánh Nam                       | 3        | 000.23.25.H17        |
| 25.24     | UBND phường Hòa Minh                            | 3        | 000.24.25.H17        |
| 25.19     | Trường Mầm non 1 tháng 6                        | 3        | 000.19.25.H17        |
| 25.25     | Trường Mầm non Hoà Mi                           | 3        | 000.25.25.H17        |
| 25.26     | Trường Mầm non Hướng Dương                      | 3        | 000.26.25.H17        |
| 25.27     | Trường Mầm non Măng Non                         | 3        | 000.27.25.H17        |
| 25.28     | Trường Mầm non Sơn Ca                           | 3        | 000.28.25.H17        |
| 25.29     | Trường Mầm non Tuổi Hoa                         | 3        | 000.29.25.H17        |
| 25.30     | Trường Mầm non Tuổi Ngọc                        | 3        | 000.30.25.H17        |
| 25.31     | Trường Mầm non Tuổi Thơ                         | 3        | 000.31.25.H17        |
| 25.32     | Trường TH Âu Cơ                                 | 3        | 000.32.25.H17        |
| 25.33     | Trường TH Bùi Thị Xuân                          | 3        | 000.33.25.H17        |
| 25.34     | Trường TH Duy Tân                               | 3        | 000.34.25.H17        |
| 25.35     | Trường TH Hải Vân                               | 3        | 000.35.25.H17        |
| 25.36     | Trường TH Hồng Quang                            | 3        | 000.36.25.H17        |
| 25.37     | Trường TH Ngô Sĩ Liên                           | 3        | 000.37.25.H17        |
| 25.38     | Trường TH Nguyễn Đức Cảnh                       | 3        | 000.38.25.H17        |
| 25.39     | Trường TH Nguyễn Văn Trỗi                       | 3        | 000.39.25.H17        |
| 25.40     | Trường TH Phan Phu Tiên                         | 3        | 000.40.25.H17        |
| 25.41     | Trường TH Trần Bình Trọng                       | 3        | 000.41.25.H17        |
| 25.42     | Trường TH Triệu Thị Trinh                       | 3        | 000.42.25.H17        |
| 25.43     | Trường TH Trưng Nữ Vương                        | 3        | 000.43.25.H17        |
| 25.44     | Trường TH Võ Thị Sáu                            | 3        | 000.44.25.H17        |
| 25.45     | Trường THCS Đàm Quang Trung                     | 3        | 000.45.25.H17        |
| 25.46     | Trường THCS Lê Anh Xuân                         | 3        | 000.46.25.H17        |
| 25.47     | Trường THCS Lương Thế Vinh                      | 3        | 000.47.25.H17        |
| 25.48     | Trường THCS Ngô Thị Nhậm                        | 3        | 000.48.25.H17        |
| 25.49     | Trường THCS Nguyễn Bình Khiêm                   | 3        | 000.49.25.H17        |
| 25.50     | Trường THCS Nguyễn Lương Bằng                   | 3        | 000.50.25.H17        |
| 25.51     | Trường THCS Nguyễn Thái Bình                    | 3        | 000.51.25.H17        |
| <b>26</b> | <b>UBND quận Ngũ Hành Sơn</b>                   | <b>2</b> | <b>000.00.26.H17</b> |
| 26.1      | Ban quản lý các chợ                             | 3        | 000.01.26.H17        |
| 26.2      | Ban quản lý Dự án đầu tư xây dựng               | 3        | 000.02.26.H17        |
| 26.3      | Ban quản lý Khu Du lịch thắng cảnh Ngũ Hành Sơn | 3        | 000.03.26.H17        |
| 26.4      | Ban quản lý Làng đá mỹ nghệ Non nước            | 3        | 000.04.26.H17        |
| 26.5      | Đài Truyền thanh                                | 3        | 000.05.26.H17        |
| 26.6      | Đội Kiểm tra quy tắc đô thị                     | 3        | 000.06.26.H17        |
| 26.7      | Phòng Giáo dục và Đào tạo                       | 3        | 000.07.26.H17        |

|           |                                          |          |                      |
|-----------|------------------------------------------|----------|----------------------|
| 26.8      | Phòng Kinh tế                            | 3        | 000.08.26.H17        |
| 26.9      | Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội   | 3        | 000.09.26.H17        |
| 26.10     | Phòng Nội vụ                             | 3        | 000.10.26.H17        |
| 26.11     | Phòng Quản lý đô thị                     | 3        | 000.11.26.H17        |
| 26.12     | Phòng Tài chính - Kế hoạch               | 3        | 000.12.26.H17        |
| 26.13     | Phòng Tài nguyên và Môi trường           | 3        | 000.13.26.H17        |
| 26.14     | Phòng Tư pháp                            | 3        | 000.14.26.H17        |
| 26.15     | Phòng Văn hóa - Thông tin                | 3        | 000.15.26.H17        |
| 26.16     | Phòng Y tế                               | 3        | 000.16.26.H17        |
| 26.17     | Thanh tra quận                           | 3        | 000.17.26.H17        |
| 26.18     | Trung tâm Dân số - Kế hoạch hóa gia đình | 3        | 000.18.26.H17        |
| 26.19     | Trung tâm Văn hoá - Thể thao             | 3        | 000.19.26.H17        |
| 26.20     | Văn phòng UBND quận                      | 3        | 000.20.26.H17        |
| 26.22     | UBND phường Hòa Hải                      | 3        | 000.22.26.H17        |
| 26.23     | UBND phường Hòa Quý                      | 3        | 000.23.26.H17        |
| 26.24     | UBND phường Khuê Mỹ                      | 3        | 000.24.26.H17        |
| 26.25     | UBND phường Mỹ An                        | 3        | 000.25.26.H17        |
| 26.21     | Trường Mầm non Bạch Dương                | 3        | 000.21.26.H17        |
| 26.26     | Trường Mầm non Hoàng Anh                 | 3        | 000.26.26.H17        |
| 26.27     | Trường Mầm non Hoàng Lan                 | 3        | 000.27.26.H17        |
| 26.28     | Trường Mầm non Ngọc Lan                  | 3        | 000.28.26.H17        |
| 26.29     | Trường Mầm non Sen Hồng                  | 3        | 000.29.26.H17        |
| 26.30     | Trường Mầm non Tân Trà                   | 3        | 000.30.26.H17        |
| 26.31     | Trường Mầm non Vàng Anh                  | 3        | 000.31.26.H17        |
| 26.32     | Trường TH Lê Bá Trinh                    | 3        | 000.32.26.H17        |
| 26.33     | Trường TH Lê Lai                         | 3        | 000.33.26.H17        |
| 26.34     | Trường TH Lê Văn Hiến                    | 3        | 000.34.26.H17        |
| 26.35     | Trường TH Mai Đăng Chon                  | 3        | 000.35.26.H17        |
| 26.36     | Trường TH Nguyễn Duy Trinh               | 3        | 000.36.26.H17        |
| 26.37     | Trường TH Phạm Hồng Thái                 | 3        | 000.37.26.H17        |
| 26.38     | Trường TH Tô Hiến Thành                  | 3        | 000.38.26.H17        |
| 26.39     | Trường TH Trần Quang Diệu                | 3        | 000.39.26.H17        |
| 26.40     | Trường THCS Huỳnh Bá Chánh               | 3        | 000.40.26.H17        |
| 26.41     | Trường THCS Lê Lợi                       | 3        | 000.41.26.H17        |
| 26.42     | Trường THCS Nguyễn Bình Khiêm            | 3        | 000.42.26.H17        |
| 26.43     | Trường THCS Trần Đại Nghĩa               | 3        | 000.43.26.H17        |
| <b>27</b> | <b>UBND quận Sơn Trà</b>                 | <b>2</b> | <b>000.00.27.H17</b> |
| 27.1      | Ban quản lý chợ loại 2                   | 3        | 000.01.27.H17        |

|                 |                                          |              |                          |
|-----------------|------------------------------------------|--------------|--------------------------|
| 27.2            | Ban quản lý Dự án đầu tư xây dựng        | 3            | 000.02.27.H17            |
| 27.3            | Đài Truyền thanh                         | 3            | 000.03.27.H17            |
| <del>27.4</del> | <del>Đội Kiểm tra quy tắc đô thị</del>   | <del>3</del> | <del>000.04.27.H17</del> |
| 27.5            | Phòng Giáo dục và Đào tạo                | 3            | 000.05.27.H17            |
| 27.6            | Phòng Kinh tế                            | 3            | 000.06.27.H17            |
| 27.7            | Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội   | 3            | 000.07.27.H17            |
| 27.8            | Phòng Nội vụ                             | 3            | 000.08.27.H17            |
| 27.9            | Phòng Quản lý đô thị                     | 3            | 000.09.27.H17            |
| 27.10           | Phòng Tài chính - Kế hoạch               | 3            | 000.10.27.H17            |
| 27.11           | Phòng Tài nguyên và Môi trường           | 3            | 000.11.27.H17            |
| 27.12           | Phòng Tư pháp                            | 3            | 000.12.27.H17            |
| 27.13           | Phòng Văn hóa - Thông tin                | 3            | 000.13.27.H17            |
| 27.14           | Phòng Y tế                               | 3            | 000.14.27.H17            |
| 27.15           | Thanh tra quận                           | 3            | 000.15.27.H17            |
| 27.16           | Trung tâm Dân số - Kế hoạch hóa gia đình | 3            | 000.16.27.H17            |
| 27.17           | Trung tâm Văn hoá - Thể thao             | 3            | 000.17.27.H17            |
| 27.18           | Văn phòng UBND quận                      | 3            | 000.18.27.H17            |
| 27.20           | UBND phường An Hải Bắc                   | 3            | 000.20.27.H17            |
| 27.21           | UBND phường An Hải Đông                  | 3            | 000.21.27.H17            |
| 27.22           | UBND phường An Hải Tây                   | 3            | 000.22.27.H17            |
| 27.23           | UBND phường Mân Thái                     | 3            | 000.23.27.H17            |
| 27.24           | UBND phường Nại Hiên Đông                | 3            | 000.24.27.H17            |
| 27.25           | UBND phường Phước Mỹ                     | 3            | 000.25.27.H17            |
| 27.26           | UBND phường Thọ Quang                    | 3            | 000.26.27.H17            |
| 27.19           | Trường Mầm non Bạch Yến                  | 3            | 000.19.27.H17            |
| 27.27           | Trường Mầm non Hòa Mỹ                    | 3            | 000.27.27.H17            |
| 27.28           | Trường Mầm non Hoàng Anh                 | 3            | 000.28.27.H17            |
| 27.29           | Trường Mầm non Hoàng Cúc                 | 3            | 000.29.27.H17            |
| 27.30           | Trường Mầm non Hoàng Yến                 | 3            | 000.30.27.H17            |
| 27.31           | Trường Mầm non Rạng Đông                 | 3            | 000.31.27.H17            |
| 27.32           | Trường Mầm non Sơn Ca                    | 3            | 000.32.27.H17            |
| 27.33           | Trường Mầm non Vành Khuyên               | 3            | 000.33.27.H17            |
| 27.34           | Trường TH Chi Lăng                       | 3            | 000.34.27.H17            |
| 27.35           | Trường TH Đinh Tiên Hoàng                | 3            | 000.35.27.H17            |
| 27.36           | Trường TH Hai Bà Trưng                   | 3            | 000.36.27.H17            |
| 27.37           | Trường TH Lương Thế Vinh                 | 3            | 000.37.27.H17            |
| 27.38           | Trường TH Ngô Gia Tự                     | 3            | 000.38.27.H17            |
| 27.39           | Trường TH Ngô Mây                        | 3            | 000.39.27.H17            |

|           |                                          |          |                      |
|-----------|------------------------------------------|----------|----------------------|
| 27.40     | Trường TH Nguyễn Phan Vinh               | 3        | 000.40.27.H17        |
| 27.41     | Trường TH Nguyễn Thái Học                | 3        | 000.41.27.H17        |
| 27.42     | Trường TH Nguyễn-Tri-Phương              | 3        | 000.42.27.H17        |
| 27.43     | Trường TH Quang Trung                    | 3        | 000.43.27.H17        |
| 27.44     | Trường TH Tiểu La                        | 3        | 000.44.27.H17        |
| 27.45     | Trường TH Tô Vĩnh Diện                   | 3        | 000.45.27.H17        |
| 27.46     | Trường TH Trần Quốc Toản                 | 3        | 000.46.27.H17        |
| 27.47     | Trường THCS Cao Thắng                    | 3        | 000.47.27.H17        |
| 27.48     | Trường THCS Hoàng Sa                     | 3        | 000.48.27.H17        |
| 27.49     | Trường THCS Lê Độ                        | 3        | 000.49.27.H17        |
| 27.50     | Trường THCS Lý Tự Trọng                  | 3        | 000.50.27.H17        |
| 27.51     | Trường THCS Nguyễn Chí Thanh             | 3        | 000.51.27.H17        |
| 27.52     | Trường THCS Nguyễn Văn Cừ                | 3        | 000.52.27.H17        |
| 27.53     | Trường THCS Phạm Ngọc Thạch              | 3        | 000.53.27.H17        |
| 27.54     | Trường THCS Phan Bội Châu                | 3        | 000.54.27.H17        |
| <b>28</b> | <b>UBND quận Thanh Khê</b>               | <b>2</b> | <b>000.00.28.H17</b> |
| 28.1      | Ban quản lý chợ Phú Lộc                  | 3        | 000.01.28.H17        |
| 28.2      | Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng        | 3        | 000.02.28.H17        |
| 28.3      | Đội Kiểm tra quy tắc đô thị              | 3        | 000.03.28.H17        |
| 28.4      | Phòng Giáo dục và Đào tạo                | 3        | 000.04.28.H17        |
| 28.5      | Phòng Kinh tế                            | 3        | 000.05.28.H17        |
| 28.6      | Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội   | 3        | 000.06.28.H17        |
| 28.7      | Phòng Nội vụ                             | 3        | 000.07.28.H17        |
| 28.8      | Phòng Quản lý đô thị                     | 3        | 000.08.28.H17        |
| 28.9      | Phòng Tài chính - Kế hoạch               | 3        | 000.09.28.H17        |
| 28.10     | Phòng Tài nguyên và Môi trường           | 3        | 000.10.28.H17        |
| 28.11     | Phòng Tư pháp                            | 3        | 000.11.28.H17        |
| 28.12     | Phòng Văn hóa - Thông tin                | 3        | 000.12.28.H17        |
| 28.13     | Phòng Y tế                               | 3        | 000.13.28.H17        |
| 28.14     | Thanh tra quận                           | 3        | 000.14.28.H17        |
| 28.15     | Trung tâm Dân số - Kế hoạch hóa gia đình | 3        | 000.15.28.H17        |
| 28.16     | Trung tâm Văn hoá - Thể thao             | 3        | 000.16.28.H17        |
| 28.17     | Văn phòng UBND quận                      | 3        | 000.17.28.H17        |
| 28.19     | UBND phường An Khê                       | 3        | 000.19.28.H17        |
| 28.20     | UBND phường Chính Gián                   | 3        | 000.20.28.H17        |
| 28.21     | UBND phường Hòa Khê                      | 3        | 000.21.28.H17        |
| 28.22     | UBND phường Tam Thuận                    | 3        | 000.22.28.H17        |
| 28.23     | UBND phường Tân Chính                    | 3        | 000.23.28.H17        |

|       |                                  |   |               |
|-------|----------------------------------|---|---------------|
| 28.24 | UBND phường Thạc Gián            | 3 | 000.24.28.H17 |
| 28.25 | UBND phường Thanh Khê Đông       | 3 | 000.25.28.H17 |
| 28.26 | UBND phường Thanh Khê Tây        | 3 | 000.26.28.H17 |
| 28.27 | UBND phường Vĩnh Trung           | 3 | 000.27.28.H17 |
| 28.28 | UBND phường Xuân Hà              | 3 | 000.28.28.H17 |
| 28.18 | Trường Mầm non Cẩm Nhung         | 3 | 000.18.28.H17 |
| 28.29 | Trường Mầm non Cẩm Tú            | 3 | 000.29.28.H17 |
| 28.30 | Trường Mầm non Hải Đường         | 3 | 000.30.28.H17 |
| 28.31 | Trường Mầm non Hoàng Mai         | 3 | 000.31.28.H17 |
| 28.32 | Trường Mầm non Hồng Đào          | 3 | 000.32.28.H17 |
| 28.33 | Trường Mầm non Mẫu Đơn           | 3 | 000.33.28.H17 |
| 28.34 | Trường Mầm non Phong Lan         | 3 | 000.34.28.H17 |
| 28.35 | Trường Mầm non Tuổi Hoa          | 3 | 000.35.28.H17 |
| 28.36 | Trường Mầm non Tường Vi          | 3 | 000.36.28.H17 |
| 28.37 | Trường Mầm non Thủy Tiên         | 3 | 000.37.28.H17 |
| 28.38 | Trường TH An Khê                 | 3 | 000.38.28.H17 |
| 28.39 | Trường TH Bế Văn Đàn             | 3 | 000.39.28.H17 |
| 28.40 | Trường TH Dũng Sĩ Thanh Khê      | 3 | 000.40.28.H17 |
| 28.41 | Trường TH Điện Biên Phủ          | 3 | 000.41.28.H17 |
| 28.42 | Trường TH Đinh Bộ Lĩnh           | 3 | 000.42.28.H17 |
| 28.43 | Trường TH Đoàn Thị Điểm          | 3 | 000.43.28.H17 |
| 28.44 | Trường TH Hà Huy Tập             | 3 | 000.44.28.H17 |
| 28.45 | Trường TH Hàm Nghi               | 3 | 000.45.28.H17 |
| 28.46 | Trường TH Hoa Lư                 | 3 | 000.46.28.H17 |
| 28.47 | Trường TH Huỳnh Ngọc Huệ         | 3 | 000.47.28.H17 |
| 28.48 | Trường TH Lê Quang Sung          | 3 | 000.48.28.H17 |
| 28.49 | Trường TH Lê Văn Tám             | 3 | 000.49.28.H17 |
| 28.50 | Trường TH Nguyễn Bá Ngọc         | 3 | 000.50.28.H17 |
| 28.51 | Trường TH Nguyễn Bình Khiêm      | 3 | 000.51.28.H17 |
| 28.52 | Trường TH Nguyễn Trung Trực      | 3 | 000.52.28.H17 |
| 28.53 | Trường TH Trần Cao Vân           | 3 | 000.53.28.H17 |
| 28.54 | Trường THCS Chu Văn An           | 3 | 000.54.28.H17 |
| 28.55 | Trường THCS Đỗ Đăng Tuyển        | 3 | 000.55.28.H17 |
| 28.56 | Trường THCS Hoàng Diệu           | 3 | 000.56.28.H17 |
| 28.57 | Trường THCS Huỳnh Thúc Kháng     | 3 | 000.57.28.H17 |
| 28.58 | Trường THCS Lê Thị Hồng Gấm      | 3 | 000.58.28.H17 |
| 28.59 | Trường THCS Nguyễn Duy Hiệu      | 3 | 000.59.28.H17 |
| 28.60 | Trường THCS Nguyễn Đình Chiểu    | 3 | 000.60.28.H17 |
| 28.61 | Trường THCS Nguyễn Thị Minh Khai | 3 | 000.61.28.H17 |
| 28.62 | Trường THCS Nguyễn Trãi          | 3 | 000.62.28.H17 |

|            |                                                                                                                                    |   |                      |
|------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---|----------------------|
| 28.63      | Trường THCS Phan Đình Phùng                                                                                                        | 3 | 000.63.28.H17        |
| 29         | <b>UBND huyện Hoàng Sa</b>                                                                                                         | 2 | <b>000.00.29.H17</b> |
| 29.1       | Nhà Trung bày Hoàng Sa                                                                                                             | 3 | 000.01.29.H17        |
| <b>III</b> | <b>Đơn vị sự nghiệp công lập, các Ban quản lý dự án và quỹ tài chính trực thuộc UBND thành phố</b>                                 |   |                      |
| 31         | Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp                                                           | 2 | 000.00.31.H17        |
| 32         | Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình giao thông                                                                        | 2 | 000.00.32.H17        |
| 33         | Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình nông nghiệp và phát triển nông thôn                                               | 2 | 000.00.33.H17        |
| 34         | Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng ưu tiên                                                                            | 2 | 000.00.34.H17        |
| 35         | Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng hạ tầng và phát triển đô thị                                                                     | 2 | 000.00.35.H17        |
| 36         | Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng Khu công nghệ cao                                                                                | 2 | 000.00.36.H17        |
| 37         | Ban Xúc tiến và Hỗ trợ đầu tư Đà Nẵng                                                                                              | 2 | 000.00.37.H17        |
| 38         | Đài Phát thanh và Truyền hình Đà Nẵng                                                                                              | 2 | 000.00.38.H17        |
| 39         | Quỹ Đầu tư phát triển Đà Nẵng                                                                                                      | 2 | 000.00.39.H17        |
| 40         | Trường Cao đẳng nghề Đà Nẵng                                                                                                       | 2 | 000.00.40.H17        |
| 41         | Trường Cao đẳng Văn hóa - nghệ thuật Đà Nẵng                                                                                       | 2 | 000.00.41.H17        |
| 42         | Văn phòng BCD Biến đổi khí hậu                                                                                                     | 2 | 000.00.42.H17        |
| 43         | Viện Nghiên cứu phát triển kinh tế - xã hội                                                                                        | 2 | 000.00.43.H17        |
| 43.1       | Tạp chí phát triển kinh tế xã hội                                                                                                  | 3 | 000.01.43.H17        |
| 43.2       | Trung tâm Tư vấn phát triển bền vững                                                                                               | 3 | 000.02.43.H17        |
| 43.3       | Trung tâm Tư vấn - Nghiên cứu Phát triển miền Trung                                                                                | 3 | 000.03.43.H17        |
| <b>IV</b>  | <b>Doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ và trên 50% vốn điều lệ do UBND thành phố Đà Nẵng làm đại diện chủ sở hữu</b> |   |                      |
| 44         | Công ty TNHH một thành viên                                                                                                        | 2 | 000.00.44.H17        |

|    |                                                                      |   |               |
|----|----------------------------------------------------------------------|---|---------------|
|    | Thương mại Quảng Nam – Đà Nẵng                                       |   |               |
| 45 | Công ty TNHH một thành viên Quản lý và Khai thác Công trình thủy lợi | 2 | 000.00.45.H17 |
| 46 | Công ty TNHH một thành viên Xô số kiến thiết và dịch vụ in           | 2 | 000.00.46.H17 |
| 47 | Công ty TNHH một thành viên Nhà xuất bản tổng hợp                    | 2 | 000.00.47.H17 |
| 48 | Công ty Cổ phần Cấp nước                                             | 2 | 000.00.48.H17 |
| 49 | Công ty Cổ phần Môi trường Đô thị                                    | 2 | 000.00.49.H17 |

